

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân;*

*Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;*

*Xét Tờ trình số 68 /TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Những quy định chung**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chế độ bồi dưỡng áp dụng đối với người tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân:

a) Trụ sở Tiếp công dân tỉnh; địa điểm tiếp công dân của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

b) Trụ sở Tiếp công dân cấp huyện; địa điểm tiếp công dân của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện;

c) Địa điểm tiếp công dân cấp xã;

d) Địa điểm tiếp công dân tại đơn vị sự nghiệp công lập (gồm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

## 2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (gọi tắt là hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân;

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân;

c) Cán bộ, công chức, viên chức; sỹ quan, hạ sỹ quan và chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân;

d) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

## 3. Nguyên tắc áp dụng:

a) Chế độ bồi dưỡng được tính theo ngày làm việc thực tế theo quy định (22 ngày/tháng) đối với các đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1;

b) Chế độ bồi dưỡng được tính theo ngày làm việc thực tế đối với các đối tượng còn lại quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 1.

Trường hợp các đối tượng được quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 1 khi tham gia tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân từ 04 giờ /ngày làm việc trở lên được hưởng toàn bộ mức chi bồi dưỡng, nếu dưới 04 giờ/ngày làm việc được hưởng 50% mức chi bồi dưỡng theo quy định.

### **Điều 2. Mức chi bồi dưỡng**

1. Các đối tượng được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 1 chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp dân được bồi dưỡng mức 100.000 đồng/ngày/người, trường hợp đang hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thì được bồi dưỡng mức 80.000 đồng/ngày/người.

2. Các đối tượng được quy định tại điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 1 được bồi dưỡng mức 50.000 đồng/ngày/người.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí chi trả**

1. Nguồn kinh phí chi trả tiền bồi dưỡng đối với người làm công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, gồm:

a) Ngân sách các cấp bố trí nguồn kinh phí chi bồi dưỡng cho người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong dự toán chi ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách (Nguồn kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ);

b) Từ nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Các nguồn kinh phí khác (nếu có).

2. Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại điểm a, điểm d, khoản 2, Điều 1 thuộc biên chế trả lương của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chi trả.

3. Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 1 do cơ quan có thẩm quyền mời, triệu tập phối hợp chi trả.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực ngày 01 tháng 8 năm 2018.

2. Bãi bỏ Phần IV, Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động; chi tiêu tài chính đối với hoạt động thể thao và giải thi đấu thể thao; bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018. *Thọ*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. *Th*

**CHỦ TỊCH**

